

Số: /2024/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO**THÔNG TƯ****Ban hành Quy chế về tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp:

Các đơn vị đang tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trước ngày ban hành Thông tư này được phép tiếp tục tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cho đến hết ngày 31/12/2025.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm và thay thế Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Hội đồng QGGD và PTNNL;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLC

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Minh Sơn

**Quy chế về tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ
theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**
(Ban hành kèm theo Thông tư ban hành Quy chế về tổ chức thi và cấp chứng chỉ
ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định các yêu cầu tối thiểu về điều kiện bảo đảm chất lượng về tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là thi đánh giá năng lực ngoại ngữ);
2. Quy chế này áp dụng đối với đại học, học viện, trường đại học (sau đây gọi chung là các cơ sở giáo dục đại học) có đào tạo chuyên ngành ngoại ngữ và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục đích, nguyên tắc

1. Tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm đánh giá năng lực ngoại ngữ cho người có nhu cầu theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
2. Việc tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ phải đảm bảo an ninh, an toàn, khách quan, công bằng, nghiêm túc, đúng quy định, phản ánh đúng năng lực ngoại ngữ của người học về 4 kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.

Điều 3. Chứng chỉ ngoại ngữ

1. Chứng chỉ ngoại ngữ do các đơn vị tổ chức thi cấp cho người dự thi đạt yêu cầu tương ứng với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam từ bậc 1 đến bậc 6.
2. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ ngoại ngữ do cơ quan, đơn vị sử dụng chứng chỉ quyết định tùy theo mục đích, yêu cầu của từng công việc cụ thể.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Điều 4: Tiêu chuẩn đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ

Các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo chuyên ngành ngoại ngữ tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ các đơn vị phải có đủ 5 tiêu chuẩn với 18 tiêu chí. Các tiêu chuẩn và tiêu chí được chốt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo và hoàn thiện chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề năm báo cáo như sau:

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản trị

Tiêu chí 1.1: Có bộ phận chuyên trách để thực hiện tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, lãnh đạo bộ phận chuyên trách phải có năng lực quản lý, có trách nhiệm, trung thực, khách quan.

Tiêu chí 1.2: Có ít nhất 01 lãnh đạo của bộ phận chuyên trách đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu cấp độ B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngoại ngữ (hoặc bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) của một trong các ngoại ngữ được giảng dạy trong chương trình giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân đồng thời có bằng thạc sĩ trở lên của một trong các ngành/chuyên ngành: ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục; ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; chuyên ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục;

Tiêu chí 1.3: Nhân sự chuyên môn để thực hiện ra đề thi, chấm thi: phải có tối thiểu 30 người (đối với tiếng Anh và 20 người đối với các môn ngoại ngữ khác) có bằng thạc sĩ trở lên của một trong các ngành/chuyên ngành: ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; chuyên ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục. Những người tham gia ra đề thi/chấm thi chỉ được thực hiện nhiệm vụ ra đề thi/chấm thi đối với các định dạng đề thi bằng hoặc thấp hơn trình độ ngoại ngữ (bậc) mình đã đạt được.

Tiêu chí 1.4: Có đội ngũ kỹ thuật viên đáp ứng yêu cầu để sử dụng các thiết bị tin học phục vụ cho việc tổ chức thi và chấm thi.

Các nhân sự được quy định tại tiêu chí 1, 2 và 3 của tiêu chuẩn này phải là viên chức được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức hoặc người lao động đã được ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại Đơn vị tổ chức thi.

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở vật chất

Tiêu chí 2.1: Có đủ phòng thi để tổ chức thi trên máy tính đồng thời cho tối thiểu 100 thí sinh. Phòng thi phải bảo đảm: có đủ ánh sáng, bàn ghế, bảng hoặc màn chiếu; có đồng hồ dùng chung cho tất cả thí sinh theo dõi được thời gian làm bài; hệ thống phòng cháy chữa cháy;

Tiêu chí 2.2: Có công từ hoặc máy quét cầm tay để rà soát vật dụng và trang thiết bị thí sinh được mang vào phòng thi;

Tiêu chí 2.3: Có hệ thống máy tính gồm máy chủ, các máy tính cho thí sinh dự thi, thiết bị lưu điện, nguồn điện dự phòng, các thiết bị phụ trợ bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật để tổ chức thi trên máy vi tính cho ít nhất 100 thí sinh trong một lượt thi; phải có thiết bị/giải pháp để bảo đảm an ninh an toàn cho hệ thống mạng và đề thi (trong trường hợp vận chuyển đề thi qua hệ thống mạng internet). Máy vi tính trong phòng thi được bố trí với cự ly phù hợp hoặc được ngăn cách bằng các vách ngăn bảo đảm các thí sinh không nhìn thấy nội dung trên

màn hình máy vi tính của thí sinh khác.

Tiêu chí 2.4: Phòng thi và phòng chấm thi, khu vực đặt máy chủ chứa dữ liệu tổ chức thi phải có hệ thống camera giám sát ghi hình được toàn bộ diễn biến của quá trình tổ chức thi. Màn hình theo dõi hệ thống camera được đặt tại phòng trực thi.

Tiêu chuẩn 3: Phần mềm tổ chức thi

Tiêu chí 3.1: Có giao diện thân thiện, dễ cài đặt, sử dụng; có khả năng ngắt kết nối với các ứng dụng và thiết bị bên ngoài không liên quan đến nội dung thi;

Tiêu chí 3.2: Cho phép thí sinh tự đăng nhập vào phần mềm để làm bài thi bằng tài khoản thi cá nhân;

Tiêu chí 3.3: Có các chức năng: chụp ảnh thí sinh và đưa vào dữ liệu thi; đồng hồ đếm ngược; xem trước câu hỏi tiếp theo, thống kê câu hỏi đã trả lời; tự động chấm điểm bài thi trắc nghiệm; tự động đăng xuất và lưu trữ bài làm, kết quả thi của thí sinh khi hết thời gian làm bài; có chức năng để phục vụ chấm thi kỹ năng nói và viết; có chức năng sao lưu dữ liệu.

Tiêu chuẩn 4: Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tổ chức thi

Tiêu chí 4.1: Cung cấp thông tin về định dạng đề thi, đề minh họa, thông báo lịch thi, công bố danh sách thí sinh vi phạm quy chế thi và bị cấm thi; công bố quy định, quy trình tổ chức thi;

Tiêu chí 4.2: Có chức năng để thí sinh đăng ký dự thi, tra cứu kết quả thi;

Tiêu chí 4.3: Có chức năng để hỗ trợ các đơn vị sử dụng chứng chỉ trong việc tra cứu và xác minh kết quả thi, chứng chỉ thi của thí sinh. Chức năng tra cứu phải cung cấp được các thông tin sau: Họ và tên thí sinh, ngày sinh, số căn cước công dân, ảnh chụp thí sinh khi dự thi, ngày thi, kết quả thi, số hiệu chứng chỉ, bậc đạt được.

Tiêu chuẩn 5: Đề thi, ngân hàng câu hỏi thi

Tiêu chí 5.1: Đề thi phải bảo đảm chính xác, khoa học, chặt chẽ, rõ ràng; theo đúng cấu trúc định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ được Bộ GDĐT ban hành và được xây dựng dựa trên trích xuất ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa; trong cùng một đợt thi, mỗi thí sinh một mã đề.

Tiêu chí 5.2: Giữa 2 lần thi liên tiếp, nội dung phần đọc và nghe không trùng nhau quá 25%; phần thi nói và phần viết không trùng nhau.

Tiêu chí 5.3: Ngân hàng câu hỏi thi được xây dựng theo quy trình tại phụ lục I của Thông tư này và phải bảo đảm có đủ số lượng câu hỏi để tạo ra tối thiểu 70 đề thi. Các câu hỏi đã sử dụng để tổ chức thi chỉ được xem xét dùng lại sau tối thiểu 02 năm.

Tiêu chí 5.4: Ngân hàng đề thi mỗi năm bổ sung tối thiểu 10% đề thi so với quy định tối thiểu về đề thi ở tiêu chí 5.3. Các đơn vị tổ chức thi có thể dùng chung ngân hàng câu hỏi thi, đề thi để tổ chức thi.

Điều 5. Quy định và quy trình tổ chức thi

1. Đơn vị tổ chức thi phải xây dựng quy định và quy trình tổ chức thi, công bố trên trang thông tin điện tử của đơn vị 30 ngày trước khi áp dụng.

2. Quy định và quy trình tổ chức thi của các đơn vị phải bảo đảm an ninh, an toàn, khách quan, công bằng và nghiêm túc; phân công rõ trách nhiệm các bộ phận tham gia tổ chức thi; có biện pháp hiệu quả chống gian lận.

3. Nội dung của quy định và quy trình tổ chức thi phải bao gồm:

a) Các quy trình tổ chức kỳ thi và nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân tham gia (chuẩn bị cho kỳ thi, tổ chức đăng ký dự thi, coi thi, chấm thi...);

b) Các mốc thời gian trong tổ chức thi;

c) Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của thí sinh;

d) Các biện pháp bảo mật và chống gian lận trong kỳ thi;

đ) Chế độ công khai, báo cáo và lưu trữ;

e) Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý sự cố, xử lý vi phạm.

4. Các mốc thời gian trong công tác tổ chức thi:

a) Công bố danh sách thí sinh dự thi, danh sách thí sinh không đủ điều kiện dự thi: Chậm nhất 07 ngày trước ngày tổ chức thi;

b) Công bố kết quả thi: Chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc buổi thi cuối cùng;

c) Công bố kết quả phúc khảo (nếu có): Chậm nhất 10 ngày sau khi hết hạn đăng ký phúc khảo.

5. Đơn vị tổ chức thi chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi công tác trước, trong và sau khi thi, bao gồm cả trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về chất lượng đề thi, triển khai tổ chức thi, quy định và quy trình tổ chức thi.

Điều 6. Liên kết tổ chức thi

1. Các đơn vị đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, tiêu chí được quy định của Quy chế này có thể liên kết và phối hợp với đơn vị để mở rộng địa điểm tổ chức thi.

2. Đơn vị liên kết chịu trách nhiệm bảo đảm đầy đủ các điều kiện theo tiêu chuẩn 2, 3 và 4 được quy định tại Điều 4 Quy chế này. Đơn vị tổ chức thi chịu mọi trách nhiệm về quá trình tổ chức thi, chấm thi, cấp chứng chỉ.

3. Việc tổ chức thi tại đơn vị liên kết phải bảo đảm đầy đủ các quy định như

việc tổ chức thi tại đơn vị tổ chức thi; đơn vị tổ chức thi và đơn vị liên kết phải phân công rõ nghĩa vụ, quyền hạn của các bên liên quan trong quá trình liên kết tổ chức thi.

Điều 7. Chế độ báo cáo

1. Trước khi tổ chức thi ít nhất 20 ngày, gửi báo cáo về nội dung: môn thi, bậc thi, thời gian, địa điểm và quy mô tổ chức thi Bộ GDĐT (qua Cục Quản lý chất lượng).

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi công bố kết quả cuối cùng của kỳ thi, đơn vị tổ chức thi gửi dữ liệu kết quả thi theo từng kỹ năng, kết quả chung, chứng chỉ đạt được của các thí sinh, báo cáo phân tích kết quả thi về Bộ GDĐT (qua Cục Quản lý chất lượng).

3. Trước ngày 31/12 hằng năm, đơn vị tổ chức thi báo cáo Bộ GDĐT (qua Cục Quản lý chất lượng), nội dung báo cáo bao gồm:

a) Cập nhật đầy đủ các tiêu chuẩn, tiêu chí được quy định tại Điều 4 và các Quy định tại Điều 6 Quy chế này

b) Danh sách các địa điểm tổ chức thi;

c) Số liệu tổng hợp kết quả tổ chức thi đánh giá năng lực của năm trước;

d) Kế hoạch tổ chức thi đánh giá năng lực trong năm;

đ) Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

4. Đơn vị tổ chức thi và đơn vị liên kết phải thực hiện việc báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này và Điều 10; xử lý thí sinh vi phạm trong quá trình tổ chức thi theo quy định tại Điều 13.

Điều 8. Lưu trữ hồ sơ

1. Đơn vị tổ chức thi lưu trữ vĩnh viễn: Danh sách thí sinh dự thi, bảng điểm chi tiết, danh sách thí sinh được cấp chứng chỉ.

2. Đơn vị tổ chức thi lưu trữ ít nhất 02 năm: Bài thi, dữ liệu từ các camera giám sát phòng thi, các biên bản xử lý trong khi thi.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Thanh tra, kiểm tra

1. Bộ GDĐT chỉ đạo, thực hiện việc thanh tra, kiểm tra hoạt động của các đơn vị tổ chức thi theo quy định hiện hành.

2. Cơ quan quản lý trực tiếp của đơn vị tổ chức thi có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra đơn vị tổ chức thi theo quy định hiện hành.

3. Đơn vị tổ chức thi có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát bộ phận chuyên trách của mình để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Quy chế này.

Điều 10. Xử lý đơn vị tổ chức thi, người tham gia tổ chức thi và cá nhân liên quan khác vi phạm quy chế thi

1. Tùy theo mức độ vi phạm của đơn vị tổ chức thi, Bộ GDĐT sẽ xem xét dừng hoặc không công nhận việc tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của các đơn vị.

2. Người tham gia tổ chức thi và cá nhân liên quan khác có hành vi vi phạm quy chế thi (bị phát hiện trong kỳ thi hoặc sau kỳ thi), sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Xử lý thí sinh vi phạm quy chế thi

1. Thí sinh vi phạm quy chế thi đều phải lập biên bản, xử lý và thông báo cho thí sinh.

2. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, đơn vị tổ chức xem xét quyết định hình thức xử lý đối với thí sinh như khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ, huỷ kết quả thi. Các thí sinh có hành vi dưới đây bị cấm thi tại tất cả các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ được trong thời gian 02 năm:

- a) Đem người khác thi thay hoặc làm bài thay cho người khác dưới mọi hình thức;
- b) Có hành động gây rối, phá hoại kỳ thi; hành hung người tổ chức thi hoặc thí sinh khác.

3. Dữ liệu từ camera giám sát là một trong các căn cứ chính thức để xem xét xử lý các vi phạm Quy chế thi.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Cục Quản lý chất lượng

1. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ về việc cung cấp các minh chứng và đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí; quy trình, quy định theo Quy chế này.

2. Công bố công khai danh sách các đơn vị đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí; quy trình, quy định theo Quy chế này về tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT.

Điều 13. Cơ quan quản lý trực tiếp của đơn vị tổ chức thi

1. Quản lý chặt chẽ việc đối với đơn vị tổ chức thi trong quá trình triển khai công tác tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo quy định này.

2. Thực hiện thanh tra, kiểm tra điều kiện và các hoạt động của đơn vị tổ

chức thi theo quy định tại khoản 2 Điều 9.

Điều 15. Đơn vị tổ chức thi

1. Đảm bảo và duy trì các tiêu chuẩn, tiêu chí và các quy định và quy trình để tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Quy chế này.

2. Thực hiện các hoạt động tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo đúng Quy chế này. Có quy định cụ thể về công tác đề thi, nội quy phòng thi, coi thi, chấm thi để phổ biến rộng rãi cho các thành viên của Hội đồng thi và thí sinh tham gia kỳ thi.

3. Thực hiện trách nhiệm giải trình đối với thí sinh dự thi, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các bên có liên quan về chất lượng và hiệu quả của việc tổ chức thi và đánh giá năng lực ngoại ngữ và cấp chứng chỉ theo quy định hiện hành.

4. Thực hiện việc thu, chi đối với hoạt động đánh giá năng lực ngoại ngữ theo đúng quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

5. Thực hiện các biện pháp cần thiết để thường xuyên kiểm tra, giám sát, cải tiến chất lượng và hiệu quả hoạt động tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ./.

PHỤ LỤC I

QUY TRÌNH XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI CHUẨN HÓA
(Kèm theo Thông tư số /TT-BGDĐT ngày tháng năm)

1. Quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa

Bước 1: Thành lập nhóm chuyên gia và nhóm cán bộ điều phối xây dựng ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa

Bước 2: Xây dựng ma trận đề thi và thiết kế bản đặc tả đề thi (dựa trên định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT)

Bước 3: Soạn thảo câu hỏi thô

Bước 4: Rà soát, chọn lọc, biên tập và thẩm định câu hỏi

Bước 5: Thử nghiệm, phân tích, đánh giá câu hỏi

Bước 6: Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm

Bước 7: Xây dựng đề thi, thử nghiệm, phân tích, đánh giá, cân bằng độ khó của các đề thi

Bước 8: Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau thử nghiệm đề thi

Bước 9: Rà soát, lựa chọn, nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa

2. Nội dung và trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Thành lập nhóm chuyên gia và nhóm cán bộ điều phối xây dựng ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn; căn cứ năng lực và hiệu quả công tác của các cán bộ và chuyên gia để thành lập nhóm chuyên gia tham gia xây dựng ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa và nhóm cán bộ điều phối theo từng nhiệm vụ cụ thể.

b) Bước 2: Xây dựng ma trận đề thi và thiết kế bản đặc tả đề thi (dựa trên định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT)

Tổ chức làm việc tập trung theo nhóm chuyên gia để xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi theo từng lĩnh vực bao gồm: mục tiêu đánh giá, dạng thức câu hỏi, thang bậc năng lực cần đánh giá, lĩnh vực kiến thức, độ khó của câu hỏi và các yêu cầu khác (nếu cần).

Đối với những kỳ thi đã có ma trận đề thi, bản đặc tả đề thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khi triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa cần xây dựng bản đặc tả chi tiết phù hợp với việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi.

c) Bước 3: Soạn thảo câu hỏi thô

Bố trí làm việc tập trung theo từng môn ngoại ngữ và thực hiện các nội dung sau:

- Căn cứ vào bản đặc tả đề thi, Tổ trưởng chuyên gia soạn thảo câu hỏi thi phân công nhiệm vụ viết câu hỏi cho từng thành viên trong tổ và hướng dẫn các thành viên biên soạn câu hỏi thi; các thành viên của mỗi tổ xây dựng ý tưởng và soạn thảo nội dung câu hỏi và đáp án trực tiếp trên máy tính không kết nối mạng ra khỏi khu vực biên soạn câu hỏi thi. Sau khi các thành viên biên soạn xong, Tổ trưởng chịu trách nhiệm đọc thẩm định, biên tập và duyệt từng câu hỏi thi;

- Kết thúc mỗi đợt biên soạn, các chuyên gia bàn giao sản phẩm cho cán bộ điều phối và cùng ký biên bản giao nhận. Tổ trưởng lập bảng tổng hợp số lượng biên soạn câu hỏi thô của từng thành viên, ký xác nhận và nộp cho cán bộ điều phối.

d) Bước 4: Rà soát, chọn lọc, biên tập và thẩm định câu hỏi

- Chuyên gia thẩm định nội dung câu hỏi thẩm định về nội dung chuyên môn, lời dẫn và dạng thức câu hỏi đảm bảo đúng yêu cầu của bản đặc tả đề thi;

- Chuyên gia thẩm định kỹ thuật câu hỏi thẩm định về kỹ thuật viết câu hỏi, lời dẫn và các phương án trả lời của câu hỏi;

- Các chuyên gia biên tập sửa trực tiếp và đề xuất các ý kiến chỉnh sửa (nếu có) đối với từng câu hỏi;

- Sau khi có ý kiến của chuyên gia biên tập, thẩm định, chuyên gia soạn thảo câu hỏi (tác giả) trực tiếp chỉnh sửa các câu hỏi;

- Tổ trưởng của mỗi nhóm sẽ đọc các ý kiến phản biện, thẩm định của các chuyên gia, rà soát lại các chỉnh sửa của tác giả, trực tiếp chỉnh sửa và hoàn thiện câu hỏi lần cuối.

đ) Bước 5: Thử nghiệm, phân tích, đánh giá câu hỏi

- Các câu hỏi sau khi được thẩm định, biên tập sẽ được tổ hợp để tiến hành thử nghiệm, đánh giá;

- Triển khai thử nghiệm các tổ hợp câu hỏi, đảm bảo mẫu thử nghiệm tối thiểu 50 học sinh;

- Sau khi hoàn thành hoạt động thử nghiệm, tiến hành nhập/chiết xuất dữ liệu kết quả làm bài của thí sinh; làm sạch dữ liệu đã có để chuẩn bị cho công tác phân tích;

- Các chuyên gia phân tích câu hỏi thi sử dụng các phần mềm khảo thí chuyên dụng để thực hiện phân tích các thông số định chuẩn của câu hỏi, đề xuất những câu hỏi cần chỉnh sửa, hoặc loại bỏ.

e) Bước 6: Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm

- Căn cứ báo cáo của chuyên gia phân tích câu hỏi, tổ chức cho các nhóm chuyên gia thực hiện chỉnh sửa câu hỏi;

- Các nhóm chuyên gia chỉnh sửa câu hỏi theo kết quả phân tích đảm bảo câu hỏi phù hợp với yêu cầu của bản đặc tả đề thi đã được phê duyệt.

g) Bước 7: Xây dựng đề thi, thử nghiệm, phân tích, đánh giá, cân bằng độ khó của các đề thi

- Các câu hỏi sau khi được chỉnh sửa sẽ được cấu trúc thành các đề thi theo đúng bản đặc tả đề thi để thử nghiệm;

- Triển khai thử nghiệm các đề thi, đảm bảo mỗi đề thi phải có tối thiểu 50 lượt học sinh làm thử;

- Sau khi hoàn thành hoạt động thử nghiệm, tiến hành nhập/chiết xuất dữ liệu kết quả làm bài của thí sinh; làm sạch dữ liệu đã có để chuẩn bị cho công tác phân tích;

- Các chuyên gia phân tích sử dụng các phần mềm chuyên dụng để thực hiện phân tích đề thi, đánh giá độ khó, tính cân bằng giữa các đề thi và với đề thi mẫu đã chuẩn hóa; đề xuất những câu hỏi cần chỉnh sửa, những câu hỏi phải loại bỏ trong mỗi đề thi.

h) Bước 8: Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau thử nghiệm đề thi

- Căn cứ báo cáo của chuyên gia phân tích câu hỏi, tổ chức cho các nhóm chuyên gia thực hiện chỉnh sửa câu hỏi;

- Các nhóm chuyên gia chỉnh sửa câu hỏi theo kết quả phân tích đảm bảo câu hỏi phù hợp với yêu cầu của bản đặc tả đề thi đã được phê duyệt.

i) Bước 9: Rà soát, lựa chọn, nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa

Các câu hỏi được chỉnh sửa và hoàn thiện sau khi thử nghiệm sẽ được nhóm chuyên gia rà soát, lựa chọn để đưa vào ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa./.